

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết.

Ông Nguyễn Hữu Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Sấm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Thạch Thị L, sinh năm 1995. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: anh Huỳnh Anh T, sinh năm 1990. (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thạch Thị L trình bày: chị và anh Huỳnh Anh T chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58, ngày 04/6/2014 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống với anh T có một người con chung tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/5/2015, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không hợp nhau, anh T không chăm lo gia đình vợ con, thường hay tụ tập bạn bè đánh bài, uống rượu về đánh chị. Chị có nhiều lần khuyên anh T lo chí thú làm kinh tế gia đình nhưng không đem lại kết quả. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể

hàn gắn được. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Anh T.

Về nuôi con chung: chị L yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/5/2015 và yêu cầu anh Huỳnh Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Huỳnh Anh T là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai: anh thống nhất như lời trình bày của chị L về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, có cự cãi nhau, chị L không còn muốn sống chung với anh nữa nên về nhà mẹ ruột sống, anh và chị L không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh thống nhất ly hôn với chị Thạch Thị L. Về nuôi con chung: anh T yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/5/2015 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Huỳnh Anh T. Về con chung: giao cháu Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/5/2015 cho chị Thạch Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tuyền mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về chia tài sản: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc chị Thạch Thị L nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Thạch Thị L và anh Huỳnh Anh T tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Anh T là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Thạch Thị L và anh Huỳnh Anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, không

quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị L và anh T cũng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T và anh T vắng mặt nhưng có lời khai thống nhất ly hôn với chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: chị L và anh T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét thấy từ khi chị L và anh T không còn chung sống với nhau thì cháu T1 do chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu T1, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cho nên yêu cầu nuôi con của anh T là không có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét mức cấp dưỡng nuôi con của chị L yêu cầu tương đương 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định hiện nay, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là cơ sở chấp nhận, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/5/2015 mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản: chị Thạch Thị L và anh Huỳnh Anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị Thạch Thị L và anh Huỳnh Anh T tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh T phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 36; 39; 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Thạch Thị L và anh Huỳnh Anh T.
2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/5/2015 cho chị Thạch Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Huỳnh Anh T phải đóng góp nuôi con với chị Thạch Thị L số tiền là 650.000 đồng/tháng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu T1 thành niên (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Thạch Thị L và anh Huỳnh Anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Thạch Thị L và anh Huỳnh Anh T tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị Thạch Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010933 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Buộc anh Huỳnh Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có L do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai